

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DSST

Ngày: 18-01-2024

*“V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tú Huân và ông Trần Hữu Linh.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E: Ông Nguyễn Quốc Khánh –
Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2024 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 154/2023/QĐST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 22/3/2023 ông Mém có cho bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn 1 năm sẽ thanh toán toàn bộ số nợ, tức là từ ngày 22/3/2023 – 22/3/2024. Thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng nhà nước, trả lãi 06 tháng/1 lần. Quá trình vay bà T không trả được tiền lãi cho ông Mém nên ông Mém khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền lãi đối với số nợ 300.000.000 đồng đã vay, lãi suất của 6 tháng mà bà T chưa trả.

Đối với số cà phê: Do quen biết ông Mém có bán cà phê cho bà T nhiều lần: Đến ngày 03/01/2023 bà T có ký xác nhận nợ vợ chồng ông Mém 1.085 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Chiều ngày 03/01/2023 bà T có ký xác nhận nợ ông Mém 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Mặc dù ông Mém đã yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà T không trả cho vợ chồng ông Mém.

Hiện nay ông Mém khởi kiện yêu cầu bà T trả lãi suất 300.000.000 đồng của 06 tháng là 13.500.000 đồng, số cà phê nhân là 1.475 kg + 1.085 kg cà phê nhân xô, tổng là 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn.

Ngoài ra ông M không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Vào ngày 22/3/2023 tại thôn 2, xã S tôi có vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn vay kể từ ngày 22/3/2023 đến ngày 22/3/2024. Thỏa thuận lãi suất tho lãi suất ngân hàng nhà nước, thời hạn trả lãi 06 tháng 1 lần. Quá trình vay tôi làm thua lỗ nên chưa trả được cho ông M khoản tiền nào kể cả tiền lãi. Hiện nay ông M khởi kiện yêu cầu tôi lãi số tiền lãi thì tôi xin hẹn khi nào tôi làm có tiền tôi trả chứ hiện tôi không trả được.

Về số nợ cà phê: Số nợ cà phê ghi ngày 03/01/2023 cà phê nhân của bà Nguyễn Thị Hồng Tr, tên thường gọi là “mẹ” có ghi là 10137 – 50 = 1085 có chữ ký T nợ. Theo bà T số cà phê này bán buổi sáng, bà T có ký, sau đó buổi chiều vợ chồng ông M có bán thêm 350kg nữa tôi tổng lại thành 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Theo bà T thì bà T còn nợ lại 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Tuy nhiên tại phiên tòa bà T thừa nhận là đang nợ ông M, bà Tr 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn và đồng ý trả tiền theo giá cà phê tại thời điểm ngày 03/01/2023.

Hiện nay bà T xác nhận có nợ vợ chồng ông M, bà Tr các khoản sau: 300 triệu đồng và lãi suất kể từ ngày vay 06 tháng là 13.500.000 đồng. Số cà phê nhân xô hiện nay còn nợ là 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Hiện nay do bà T bị thua lỗ không có khả năng trả nợ nên hẹn khi nào có khả năng trả nợ sẽ trả đầy đủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày:

Bà Tr đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông M. Toàn bộ số cà phê và tiền vay là tài sản chung của ông bà, đề nghị bà T trả số nợ này cho ông bà. Bà Tr không đồng ý với ý kiến của bà M về việc số cà phê 1.085 kg cà phê là bán buổi sáng, buổi chiều bán thêm nữa, tổng lại chỉ là 1.475 kg như lời bà T trình bày là không đúng. Hai số cà phê này cân và nợ khác nhau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách

tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục và chức năng nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh thu thập của Tòa án. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Buộc bà T phải trả cho ông M, bà Tr số tiền lãi là 13.500.000 đồng và 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện E xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản*”, thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Vào ngày 22/3/2023 ông M có cho bà T vay số tiền 300.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng nhà nước Việt Nam, trả lãi 06 tháng/1 lần. Quá trình vay bà T không trả được tiền lãi cho tôi nên tôi khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền lãi đối với số nợ 300 triệu đã vay là 13.500.000 đồng.

Ngày 03/01/2023 bà T có ký xác nhận nợ vợ chồng tôi 1.085 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Chiều ngày 03/01/2023 bà T có ký xác nhận nợ tôi 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Mặc dù tôi đã yêu cầu trả nhiều lần nhưng bà T không trả cho vợ chồng tôi. Tôi yêu cầu bà T trả cho tôi tổng là 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn.

[2]. Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của ông M, bà Tr yêu cầu bà T trả số tiền lãi suất là 13.500.000 đồng của số tiền vay 300.000.000 đồng và trả 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T đều thừa nhận có ký nhận vào giấy vay tiền ngày 22/3/2022 và 02 giấy biên nhận cà phê. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh.

Trước khi phiên tòa diễn ra bà T cho rằng số nợ cà phê ghi ngày 03/01/2023 cà phê nhân có ghi là $10137 - 50 = 1085$ có chữ ký T nợ. Theo bà T số cà phê này bán buổi sáng, sau đó buổi chiều vợ chồng ông M có bán thêm 350kg nữa và cộng tổng lại thành 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Theo bà T thì bà T còn nợ lại 1.475 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T đã thừa nhận 02 phiếu cà phê là khác nhau, không phải cộng lại và thừa nhận hiện còn nợ ông T và bà Tr là 2.560 kg cà phê nhân xô.

Việc bà T cho rằng vào ngày 03/01/2023 ông T, bà Tr đã bán 2.560 kg cà phê nhân xô cho bà Thịnh và bà T chỉ đồng ý trả cho ông T và bà Tr tiền cà phê theo giá cà phê vào ngày 03/01/2023. Nhận thấy ông T, bà Tr thừa nhận là vào ngày 03/01/2023 ông T, bà Tr có giao tổng 2.560 kg cà phê nhân xô cho bà T với mục đích để bán. Tuy nhiên, ngày 03/01/2023 ông T, bà Tr và bà T chưa chốt được giá, cũng chưa quy đổi 2.560 kg cà phê nhân xô là bao nhiêu tiền nên xác định hiện bà T vẫn đang giữ của ông T, bà Tr 2.560 kg cà phê nhân xô.

[3]. Việc các bên xác lập quan hệ vay tài sản và mua bán tài sản giữa ông M, bà Tr với bà T là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng vay tài sản và gửi giữ tài sản được quy định tại Điều 117; Điều 118; Điều 119, 166, 463, Điều 554 Bộ luật Dân sự, nên công nhận hợp đồng vay và nợ tài sản giữa ông M, bà Tr với bà T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà T nợ ông M, bà Tr số tiền 13.500.000 đồng tiền lãi xuất là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất và 2.560 kg cà phê nhân xô đủ độ quy chuẩn. Nay bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà Tr. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Tr là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngày xét xử là ngày 09/01/2024 thì giá cà phê nhân xô là $68.500 \text{ đồng/01kg} \times 2.560\text{kg} = 175.360.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 244 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117; 118; 119, 185, 463, 466, 468, 554 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Trần Thị T phải trả cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng Tr số tiền 13.500.000 đồng (*Ba trăm tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi*

tám nghìn đồng) và 2.560 kg (Hai nghìn năm trăm sáu mươi) cà phê nhân xô quy chuẩn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 9.443.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên thuộc diện miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường